

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08-10-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Biên

2. Bà Hoàng Thị Chính

- Thư ký phiên tòa: Ông Phùng Thế Thành-Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đô - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 646/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 752/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Đình K; nơi ĐKHKTT: Tổ 12, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Tổ Q 3, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H; nơi ĐKHKTT: Tổ 12, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Tổ Q 3, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện (Về việc xin ly hôn) ngày 25-6-2019 và Bản tự khai ngày 04-7-2019, nguyên đơn là anh Đỗ Đình K (anh K) trình bày: Về quan hệ hôn nhân, anh xây dựng hạnh phúc với chị Nguyễn Thị H (chị H) trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố

Hải Phòng vào ngày 29-01-2004 (Số 10; Quyền số: 01/2004). Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống của hai người không hợp nhau, thiếu tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra va chạm làm ảnh hưởng lớn đến cuộc sống, sinh hoạt. Mọi người đã khuyên bảo nhiều nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn chị H. Về con chung, anh chị có 02 con là Đỗ Đức T sinh ngày 08-4-2004 và Đỗ Ngọc H sinh ngày 23-3-2013. Anh K nhận nuôi hai con đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ, anh K không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H vắng mặt tại gia đình nên Tòa án đã tổng đạt, niêm yết công khai những tài liệu sau đối với chị Nguyễn Thị H: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; biên bản đã tiếp cận công khai chứng cứ; thông báo về việc đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị H vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Tại các Biên bản xác minh ngày 22-7-2019, địa phương nơi anh K và chị H cư trú cung cấp về tình trạng hôn nhân của anh chị đã căng thẳng, kéo dài nhiều năm; về con chung, anh chị có 02 con là Đỗ Đức T sinh ngày 08-4-2004 và Đỗ Ngọc H sinh ngày 23-3-2013. Tại Bản tự khai của con chưa thành niên ngày 04-7-2019, cháu Đỗ Đức T trình bày nguyện vọng xin được tiếp tục ở với bố. Chị H có mặt tại gia đình, địa phương, biết được anh K có đơn xin ly hôn, từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa.

Tại phiên tòa, anh K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Đề nghị được ly hôn với chị H, nhận nuôi hai con chung đến khi các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ. Bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Tòa án nhân dân quận K đã xác định đúng quan hệ pháp luật có tranh chấp, thẩm quyền, thời hạn giải quyết vụ án, tư cách đương sự, mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh, thu thập chứng cứ, cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đều được thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 97, Điều 173, Điều 177, Điều 179, Điều 203, Điều 208, Điều 209, Điều 210 và Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các điều 70, 72 và 199 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề xuất việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2

Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đỗ Đình K được ly hôn chị Nguyễn Thị H. Về con chung: Giao hai con chung là Đỗ Đức T sinh ngày 08-4-2004 và Đỗ Ngọc H sinh ngày 23-3-2013 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh K không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Tài sản chung và công nợ, anh chị không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Anh K phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Đỗ Đình K có Đơn khởi kiện (Về việc xin ly hôn) với chị Nguyễn Thị H đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị H là bị đơn trong vụ án và cư trú tại tổ Q 3, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân quận K thụ lý vụ án vào ngày 03-7-2019 và có Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 03-9-2019 là đúng thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Thủ tục giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án chị H từ chối nhận các văn bản tố tụng nên Tòa án đã niêm yết công khai, tổng đạt hợp lệ những tài liệu sau theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, biên bản đã tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo về việc đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị H vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Trong bản tự khai, biên bản xác minh và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đều thể hiện anh K xây dựng hạnh phúc với chị H trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố Hải Phòng vào ngày 29-01-2004. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi chung sống được một thời gian giữa anh

chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống của hai người không hợp nhau, thiếu tôn trọng nhau, xảy ra va chạm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống, sinh hoạt. Anh chị đã sống ly thân nhiều năm, trong thời gian sống ly thân anh chị không tìm được giải pháp để K phục mâu thuẫn. Anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn với chị H. Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù biết việc anh K xin ly hôn nhưng chị H đều không có mặt. Điều đó phần nào thể hiện ý chí không mong muốn đoàn tụ vợ chồng của chị H. Như vậy có thể thấy rằng anh K và chị H không còn yêu thương, quý trọng nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, mức độ mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho anh K được ly hôn chị H.

[5] Về con chung và cấp dưỡng con chung: Anh K và chị H có 02 con chung là Đỗ Đức T sinh ngày 08-4-2004 và Đỗ Ngọc H sinh ngày 23-3-2013. Anh K nhận trực tiếp nuôi 02 con đến khi các con đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Xét thấy đề nghị của anh K về việc nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, có cơ sở, phù hợp với những ý kiến đã được tham khảo, phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con chung và để đảm bảo lợi ích, tâm lý và sự phát triển về mọi mặt khác của con nên cần áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao 02 con chung cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, trừ khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và công nợ: Anh K và chị H đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Anh Đỗ Đình K là nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Anh K và chị H được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Như vậy ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng

dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đỗ Đình K và chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao 02 con chung là Đỗ Đức T sinh ngày 08-4-2004 và Đỗ Ngọc H sinh ngày 23-3-2013 cho anh Đỗ Đình K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, trừ khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh Đỗ Đình K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không được ai cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ: Anh Đỗ Đình K và chị Nguyễn Thị H đều không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Anh Đỗ Đình K phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007275 ngày 03 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng. Anh Đỗ Đình K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Đỗ Đình K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND p.T, K;
- Đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên